

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/DS-ST

Ngày: 16 - 01 - 2018

V/v “tranh chấp hợp đồng  
góp hụi”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH LONG AN**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Nguyễn Hồng Phong

2/ Ông Trần Văn Nhị

*Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

Vào ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 210/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2017/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị P, sinh năm: 1971. Địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh L. (có mặt)

*Bị đơn:* Bà Võ Thị Đ (tên thường gọi là Ch), sinh năm: 1971 và ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1972. Địa chỉ: ấp 3, xã L, huyện T, tỉnh L. (ông T, bà Đ có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Huỳnh Thị P trình bày:* Huỳnh Thị P làm chủ dây hụi mở vào ngày 29/3/2011 âm lịch (AL), hụi có tổng 20 phần, hụi 10.000.000đ, hụi một năm mở 03 lần (29/3, 29/7, 29/11), hụi huê hồng. Ông T, bà Đ có chơi 01 phần, bỏ phiếu 7.300.000đ và hốt ở kỳ thứ 12, hốt được số tiền 128.600.000đ (đã trừ tiền còn 3.000.000đ). Huỳnh Thị P đã giao đầy đủ cho bà Đ ông T số tiền 128.600.000đ. Hai bên có làm biên nhận do bà Đ ký tên. Sau khi hốt hụi bà Đ, ông T đóng được 06 lần hụi chết tương ứng số tiền

60.000.000đ, còn thiếu lại 01 kỳ hụi cuối là 10.000.000đ chưa đóng cho Huỳnh Thị P. Hụi mãi vào ngày 15/8/2017 (AL). Do đó Huỳnh Thị P khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị Đ trả cho bà 01 kỳ hụi chết mà Huỳnh Thị P đã đóng thay với số tiền 10.000.000đ.

Đối với yêu cầu phân tố của bà Đ thì Huỳnh Thị P cho rằng: Hụi do bà làm chủ mở vào ngày 30/4/2012(AL), hụi một năm mở 06 lần, hụi có tổng là 30 phần, hụi 10.000.000đ/1 phần. Dây hụi này ông T, bà Đ chơi 01 phần, đóng được 06 lần, số tiền đã đóng vốn 06 lần là 29.855.000đ. Hụi đang chơi tới kỳ thứ 6 thì hụi ngưng do có 02 hụi viên bỏ đi không đóng. Sau đó Huỳnh Thị P đã gom tiền từ các hụi viên đã hốt nhưng số hụi viên gom được giảm dần. Tổng cộng Huỳnh Thị P gom được 10 lần và chia đều cho 23 hụi viên chưa hốt mỗi hụi viên được nhận là 17.848.000đ. Ông T bà Đ cũng nhận 17.848.000đ. Sau đó các hụi viên không đóng tiếp thì Huỳnh Thị P có hủ sẽ đi kiện thì có 02 hụi viên đã hốt xin trả gốc cho bà. Huỳnh Thị P tiếp tục lấy số tiền hai hụi viên này trả và chia đều cho 23 hụi viên còn lại mỗi người nhận 9.693.000đ. Tổng cộng hai lần bà Đ ông T đã nhận số tiền là 27.667.000đ. Như vậy Huỳnh Thị P còn thiếu bà Đ, ông T 2.188.000đ tiền vốn góp. Nhưng Huỳnh Thị P không đồng ý khấu trừ vào dây hụi ngày 29/3/2011, Huỳnh Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu bà Đ, ông T trả số tiền 10.000.000đ.

*Tại bản tự khai ngày 25/11/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Võ Thị Đ (Chinh) trình bày:* Bà Đ thừa nhận có chơi dây hụi do Huỳnh Thị P làm chủ hụi, hụi giá 10.000.000đ, hụi mở ngày đầu tiên là ngày 29/3/2011 âm lịch, hụi có tổng 20 phần, một năm mở 03 lần (29/3, 29/7, 29/11). Ông T, bà Đ có chơi 01 phần, bỏ phiếu 7.300.000đ và hốt ở kỳ thứ 12, hốt được số tiền 128.600.000đ (đã trừ tiền cò 3.000.000đ). ông bà thừa nhận Huỳnh Thị P đã giao đầy đủ là 128.600.000đ. Sau khi hốt hụi bà Đ, ông T đóng được 06 lần hụi chết tương ứng số tiền 60.000.000đ, còn thiếu lại 01 kỳ hụi cuối là 10.000.000đ chưa đóng cho Huỳnh Thị P. Hiện hụi đã mãi vào ngày 15/8/2017(AL). Lý do bà Đ, ông T không đóng tiếp kỳ hụi cuối trên là do ông bà có chơi một dây hụi khác cũng do Huỳnh Thị P làm chủ hụi, hụi mở ngày đầu là ngày 30/4/2012 âm lịch, hụi một năm mở 06 lần, hụi có tổng là 30 phần, hụi 10.000.000đ. Hụi đang chơi tới kỳ thứ 6 thì hụi ngưng. Sau đó Huỳnh Thị P đã gom tiền từ các hụi viên đã hốt và giao cho bà Đ ông T số tiền là 27.667.000đ. Như vậy Huỳnh Thị P còn thiếu bà Đ, ông T 2.188.000đ tiền vốn góp nhưng bà Đ cho rằng tiền để cũng phải sinh lời nên yêu cầu Huỳnh Thị P cho thêm thành 5.000.000đ. Bà Đ đồng ý khấu trừ số tiền này vào số tiền 10.000.000đ ở dây hụi 29/3/2011. Bà Đ ông T đồng ý trả 5.000.000đ cho Huỳnh Thị P.

*Tại bản tự khai ngày 25/11/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:* Ông thống nhất với lời trình bày của bà Đ. Ông đồng ý khấu trừ tiền hụi Huỳnh Thị P còn thiếu vào số tiền ông bà còn thiếu Huỳnh Thị P.

Toà án đã tiến hành hòa giải để các bên tự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án nhưng không thành. Các bên đương sự không cung cấp thêm tài liệu

chứng nào để xem xét.

Tại phiên tòa, Huỳnh Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Đ ông T liên đới trả số tiền 10.000.000đ. Bà Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố buộc Huỳnh Thị P phải trả cho bà và ông T 5.000.000đ. Đồng thời, bà Đ ông T đồng ý khấu trừ số tiền này vào khoản tiền hụi còn nợ Huỳnh Thị P. Ông T bà Đ đồng ý trả cho Huỳnh Thị P 5.000.000đ.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Huỳnh Thị P khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị Đ trả số tiền hụi 10.000.000đ phát sinh từ hợp đồng góp hụi. Bà Đ có yêu cầu phản tố buộc Huỳnh Thị P phải trả cho bà số tiền 5.000.000đ cũng phát sinh từ hợp đồng góp hụi. Đây là các tranh chấp về hợp đồng dân sự chịu sự điều chỉnh của Bộ luật dân sự 2005 nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông T và bà Đ cư trú tại ấp 3, xã Long Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B.

[2] *Về nội dung và yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị P, Hội đồng xét xử (HDXX) xét thấy*: Vào ngày 29/3/2011 (AL) bà Huỳnh Thị P với ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị Đ có xác lập hợp đồng góp hụi 10.000.000đ/tháng, hụi một năm mở 03 lần (29/3, 29/7, 29/11), hụi gồm 20 phần. ông T, bà Đ có chơi 01 phần, bỏ phiếu 7.300.000đ và hốt ở kỳ thứ 12, hốt được số tiền 128.600.000đ (đã trừ tiền cò 3.000.000đ). Huỳnh Thị P đã giao đầy đủ cho bà Đ ông T số tiền 128.600.000đ. Hai bên có làm biên nhận do bà Đ ký tên. Các bên thống nhất hụi đã mãn vào ngày 15/8/2017(AL). Huỳnh Thị P đã choàng hụi cho ông T và bà Đ 01 kỳ hụi chết số tiền là 10.000.000đ. Tại phiên tòa ông T và bà Đ thừa nhận ông bà có tham gia dây hụi như Huỳnh Thị P trình bày. Ông T bà Đ đã hốt hụi và còn thiếu một phần hụi chết là 10.000.000đ. Xét thấy hụi đã mãn ông T bà Đ không đóng hụi là vi phạm nghĩa vụ của hụi viên và Huỳnh Thị P đã choàng hụi để chi trả cho các hụi viên khác, nên ông T bà Đ phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền hụi chưa đóng là 10.000.000đ cho Huỳnh Thị P là phù hợp với quy định tại Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP về hụi, hợ biêu, phường.

Xét yêu cầu phản tố của bà Võ Thị Đ thì thấy: Huỳnh Thị P thừa nhận vào ngày 30/4/2012 (AL) Huỳnh Thị P làm chủ dây hụi một năm mở 06 lần, hụi có tổng là 30 phần, hụi 10.000.000đ. Huỳnh Thị P còn nợ bà Đ ông T số tiền vốn góp là 2.188.000đ. Xét thấy các bên đều thống nhất dây hụi đã ngưng

nên Huỳnh Thị P phải có trách nhiệm hoàn trả tiền vốn góp cho các hội viên theo quy định tại Điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ-CP về hội, họ biểu, phường. Bà Đ yêu cầu tính số tiền vốn góp 2.188.000đ thành 5.000.000đ và buộc Huỳnh Thị P trả cho bà và ông T 5.000.000đ nhưng Huỳnh Thị P chỉ đồng ý khấu trừ số tiền vốn góp 2.188.000đ vào số tiền ông T bà Đ còn thiếu nên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Đ. Buộc Huỳnh Thị P có trách nhiệm trả cho bà Đ ông T 2.188.000đ.

Về án phí: Huỳnh Thị P, bà Đ và ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền được chấp nhận và trên số tiền không được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng Điều 29, 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP về hội, họ biểu, phường. Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị P đối ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị Đ về “ tranh chấp hợp đồng góp hội”.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị P số tiền 10.000.000đ.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Võ Thị Đ đối với bà Huỳnh Thị P. Buộc bà Huỳnh Thị P phải có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị Đ, ông Nguyễn Văn T số tiền 2.188.000đ. Khấu trừ số tiền bà Võ Thị Đ, ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị P nên buộc bà Võ Thị Đ ông Nguyễn Văn T còn phải trả cho bà Huỳnh Thị P số tiền 7.812.000đ.

Kể từ ngày bà Huỳnh Thị P có đơn yêu cầu thi hành án, trong trường hợp ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị Đ chậm trả thì ông bà còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả, tại thời điểm thanh toán.

3/ Về án phí:

Buộc bà Võ Thị Đ, ông Nguyễn Văn T phải liên đới chịu 500.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị Đ phải chịu 300.000đ đối với phần yêu cầu không được chấp nhận nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Đ đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0003046 ngày 18/12/2017 tại Chi cục Thi hành án huyện Thủ Thừa.

Bà Huỳnh Thị P phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố bà Đ được chấp nhận, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án

phí dân sự sơ thẩm Huỳnh Thị P đã nộp theo biên lai thu số 0002481 ngày 31/10/2017, Huỳnh Thị P không phải nộp thêm.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

**Trần Thị Hương**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hồng Phong – Trần Văn Nghị**

**Trần Thị Hương**

